

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2017

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- * Tên công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long
- * Mã chứng khoán: PCT
- * Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, Số 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.
- * Điện thoại: (84.8) 62582330 Fax: (84.8) 62582334
- * Người thực hiện công bố thông tin: Ông Dương Vũ Phong - Giám đốc Công ty
- * Loại thông tin công bố:
 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
- * Nội dung công bố thông tin: Báo cáo tài chính bán niên 2017 soát xét

Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15/8/2017 tại đường dẫn www.pct.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCHC, TCKT.



Dương Vũ Phong

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 31

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4103006914 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 6 năm 2007, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã chứng khoán là PCT theo Quyết định số 412/QĐ-SGDHN do HNX cấp ngày 22 tháng 8 năm 2011.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng khách và hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa, mua bán sản phẩm gas và cung cấp dịch vụ kỹ thuật khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, Số 186 Đường Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Quang Huy	Chủ tịch	
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên	
Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Công Tâm	Thành viên	
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Hưng	Trưởng Ban
Ông Lê Trúc Lâm	Thành viên
Bà Vũ Thị Phượng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Vũ Phong	Giám đốc
Ông Phan Thanh Hà	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Phong	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Dương Vũ Phong.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Dương Vũ Phong
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 60729681/19534533/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên


Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 24 tháng 3 năm 2017. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 12 tháng 8 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3201-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		117.756.037.563	164.418.908.752
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	92.152.778.634	100.225.634.171
111	1. Tiền		21.152.778.634	10.425.634.171
112	2. Các khoản tương đương tiền		71.000.000.000	89.800.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	30.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	-	30.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.502.877.616	30.664.554.919
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	20.573.974.582	24.371.798.072
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	14.638.012.377	13.573.402.352
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	8.014.790.456	13.427.649.205
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(20.723.899.799)	(20.708.294.710)
140	IV. Hàng tồn kho		270.211.801	1.063.153.598
141	1. Hàng tồn kho		270.211.801	1.063.153.598
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.830.169.512	2.465.566.064
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	706.678.010	155.501.530
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.856.816.924	1.699.441.701
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		266.674.578	610.622.833
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		172.674.691.362	125.217.106.248
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.555.800.000	270.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		1.555.800.000	270.000.000
220	II. Tài sản cố định		62.002.221.660	65.819.692.389
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	61.918.545.176	65.680.231.595
222	Nguyên giá		95.425.802.697	95.592.022.954
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(33.507.257.521)	(29.911.791.359)
227	2. Tài sản vô hình	10	83.676.484	139.460.794
228	Nguyên giá		733.967.020	733.967.020
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(650.290.536)	(594.506.226)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	8.511.460.000	8.511.460.000
231	1. Nguyên giá		8.511.460.000	8.511.460.000
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		50.057.051.478	49.492.500
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	50.057.051.478	49.492.500
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		49.972.677.617	49.972.677.617
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	49.972.677.617	49.972.677.617
260	VI. Tài sản dài hạn khác		575.480.607	593.783.742
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	208.799.057	184.545.455
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	366.681.550	409.238.287
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		290.430.728.925	289.636.015.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		35.745.832.970	34.088.254.108
310	I. Nợ ngắn hạn		35.745.832.970	34.088.254.108
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	20.081.443.273	9.593.012.498
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.122.035.360	1.328.059.050
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	280.353.241	-
314	4. Phải trả người lao động		4.763.353.883	8.979.636.346
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.793.560.824	8.453.509.200
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	4.596.777.726	5.435.858.779
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.108.308.663	298.178.235
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		254.684.895.955	255.547.760.892
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	254.684.895.955	255.547.760.892
411	1. Vốn cổ phần		230.000.000.000	230.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		230.000.000.000	230.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		839.178.790	839.178.790
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.918.499.046	1.918.499.046
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.927.218.119	22.790.083.056
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		20.274.285.957	1.632.112.070
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.652.932.162	21.157.970.986
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		290.430.728.925	289.636.015.000



Hoàng Lê Hương
Người lập



Lương Minh Dương
Kế toán trưởng



Dương Vũ Phong
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	210.765.597.095	785.375.597.068
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(208.297.822.562)	(768.480.515.641)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.467.774.533	16.895.081.427
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	4.800.974.313	2.552.779.651
22	5. Chi phí tài chính		(1.056.032)	(11.832.524)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(5.330.204)
25	6. Chi phí bán hàng		-	(67.408.189)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(5.333.807.207)	(10.155.831.297)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.933.885.607	9.212.789.068
31	9. Thu nhập khác	21	724.484.721	14.812.632.384
32	10. Chi phí khác	21	(457.491.965)	(1.824.022)
40	11. Lợi nhuận khác	21	266.992.756	14.810.808.362
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.200.878.363	24.023.597.430
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(505.389.464)	(2.990.268.426)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.3	(42.556.737)	(1.837.251.061)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.652.932.162	19.196.077.943
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	71,87	834,61
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25	71,87	735,37

Hoàng Lê Hương
Người lập

Lương Minh Dương
Kế toán trưởng

Dương Vũ Phong
Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.200.878.363	24.023.597.430
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	5.803.558.480	12.234.962.770
03	Dự phòng		15.605.089	1.101.541.822
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		871.689	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.477.672.969)	(17.683.881.177)
06	Chi phí lãi vay		-	5.330.204
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.543.240.652	19.681.551.049
09	Giảm các khoản phải thu		7.023.741.811	5.795.725.559
10	Giảm hàng tồn kho		792.941.797	7.891.119.849
11	Giảm các khoản phải trả		(521.399.774)	(17.921.889.371)
12	Tăng chi phí trả trước		(575.430.082)	(519.483.503)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	266.108.066
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(5.330.204)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(113.437.821)	(1.950.769.179)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(705.666.671)	(2.681.417.400)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.443.989.912	10.555.614.866
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(52.159.540.796)	(36.014.484.541)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		890.378.788	30.514.932.460
24	Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn		30.000.000.000	20.800.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng và lãi trái phiếu		4.753.188.248	2.100.913.539
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(16.515.973.760)	17.401.361.458
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	2.998.240.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(2.998.240.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(8.071.983.848)	27.956.976.324
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		100.225.634.171	18.424.398.981
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(871.689)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	92.152.778.634	46.381.375.305



Hoàng Lê Hương
Người lập



Lương Minh Dương
Kế toán trưởng



Đương Vũ Phong
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4103006914 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 6 năm 2007, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã chứng khoán là PCT theo Quyết định số 412/QĐ-SGDHN do HNX cấp ngày 22 tháng 8 năm 2011.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán hàng hóa, kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa, mua bán sản phẩm gas và cung cấp dịch vụ kỹ thuật khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, Số 186 Đường Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 143 (Ngày 31 tháng 12 năm 2016: 214).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	2 – 3 năm
Phương tiện vận tải	2 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
Phần mềm máy tính	2 – 6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.14 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	123.170.527	116.319.504
Tiền gửi ngân hàng	21.029.608.107	10.309.314.667
Các khoản tương đương tiền (*)	71.000.000.000	89.800.000.000
TỔNG CỘNG	<u>92.152.778.634</u>	<u>100.225.634.171</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 1% tới 5,2%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Dài hạn				
- Trái phiếu (*)	49.972.677.617	49.972.677.617	49.972.677.617	49.972.677.617
TỔNG CỘNG	<u>49.972.677.617</u>	<u>49.972.677.617</u>	<u>79.972.677.617</u>	<u>79.972.677.617</u>

(*) Trái phiếu doanh nghiệp thể hiện khoản đầu tư 50 trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng được phát hành bởi Công ty Cổ phần SCI, có kỳ hạn là ba (3) năm, tính từ ngày 25 tháng 12 năm 2015, với lãi suất hàng năm được hưởng là 10%/năm. Trái phiếu được đảm bảo bằng khoản đầu tư của Công ty Cổ phần SCI vào Công ty Cổ phần SCI E&C (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) và Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu từ khách hàng	17.942.863.887	21.775.273.543
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ</i>		
<i>Khí đốt Nam Việt</i>	3.621.148.541	3.621.148.541
<i>Công ty TNHH Hóa Dầu Long Sơn</i>	2.074.524.009	1.084.639.103
<i>Các khách hàng khác</i>	12.247.191.337	17.069.485.899
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	2.631.110.695	2.596.524.529
TỔNG CỘNG	<u>20.573.974.582</u>	<u>24.371.798.072</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.957.049.331)	(5.941.444.242)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>14.616.925.251</u>	<u>18.430.353.830</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	5.941.444.242	5.941.444.242
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong kỳ	15.605.089	-
Số cuối kỳ	<u>5.957.049.331</u>	<u>5.941.444.242</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khí đốt Nam Việt</i>	3.621.148.541	3.621.148.541
<i>Khác</i>	2.335.900.790	2.320.295.701

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Trả trước cho người bán	14.638.012.377	13.573.402.352
<i>Công ty TNHH Thủy Sản HMP</i>	13.381.028.500	13.381.028.500
<i>Công ty Cổ Phần Sửa Chữa Tàu Biển Nosco-Vinalines</i>	1.072.238.096	-
<i>Nhà cung cấp khác</i>	184.745.781	192.373.852
TỔNG CỘNG	14.638.012.377	13.573.402.352
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	<u>(13.415.486.000)</u>	<u>(13.415.486.000)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.222.526.377</u>	<u>157.916.352</u>

Chi tiết tình hình tăng dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>13.415.486.000</u>	<u>13.415.486.000</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Thủy Sản HMP</i>	13.381.028.500	13.381.028.500
<i>Khác</i>	34.457.500	34.457.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ký cược, ký quỹ	2.574.720.000	5.339.802.000
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	309.515.283	1.227.091.944
Phải thu người lao động	1.467.214.081	2.201.595.709
Khác	3.663.341.092	4.659.159.552
TỔNG CỘNG	8.014.790.456	13.427.649.205
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(1.351.364.468)	(1.351.364.468)
GIÁ TRỊ THUẦN	6.663.425.988	12.076.284.737

Chi tiết tình hình giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	1.351.364.468	1.368.692.415
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(17.327.947)
Số cuối kỳ	1.351.364.468	1.351.364.468

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	15.405.608	40.786.970
Bảo hiểm xe cơ giới	489.922.927	5.769.692
Các khoản khác	201.349.475	108.944.868
	<u>706.678.010</u>	<u>155.501.530</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	162.843.561	184.545.455
Khác	45.955.496	-
	<u>208.799.057</u>	<u>184.545.455</u>
TỔNG CỘNG	915.477.067	340.046.985

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	304.698.814	94.844.819.928	442.504.212	95.592.022.954
Mua trong kỳ	134.536.364	2.017.445.454	-	2.151.981.818
Thanh lý	-	(2.318.202.075)	-	(2.318.202.075)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	439.235.178	94.544.063.307	442.504.212	95.425.802.697
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	439.235.178	3.658.279.940	442.504.212	4.540.019.330
Giá trị khấu hao lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	38.335.178	29.437.133.788	436.322.393	29.911.791.359
Khấu hao trong kỳ	62.979.294	5.678.613.057	6.181.819	5.747.774.170
Thanh lý	-	(2.152.308.008)	-	(2.152.308.008)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	101.314.472	32.963.438.837	442.504.212	33.507.257.521
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	266.363.636	65.407.686.140	6.181.819	65.680.231.595
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	337.920.706	61.580.624.470	-	61.918.545.176

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, phương tiện vận tải của Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.447.602.286 đồng và 25.453.557 đồng đang được giữ bởi Công ty TNHH MTV Cửu Nguyên ("Cửu Nguyên"), liên quan đến vụ tranh chấp giữa Công ty và Cửu Nguyên từ tháng 11 năm 2013. Ngày 26 tháng 02 năm 2014, Công ty đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án Nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi ba chiếc xe này.

Ngày 26 tháng 5 năm 2015, theo bản án sơ thẩm số 95/2015/LDTM-ST, Tòa án Nhân dân Quận Tân Bình đã tuyên Cửu Nguyên phải trả cho Công ty ba xe taxi trên với biên kiểm soát số 56K-8922, 56K-8306, 56N-6297. Ngày 22 tháng 9 năm 2015, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm số 95/2015/LDTM-ST và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án. Ngày 14 tháng 3 năm 2016, Tòa án Nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu tiến hành phiên đối chất giải quyết vụ án kinh doanh thương mại trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VND</i>
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	733.967.020
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	443.967.020
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	594.506.226
Hao mòn trong kỳ	55.784.310
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	650.290.536
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	139.460.794
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	83.676.484

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư thể hiện chi phí đầu tư vào ba lô đất nền số 8 lô A, số 20 lô A và số 43 lô E thuộc dự án Khu dân cư Phước Long A, Bắc Rạch Chiềc, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 8.511.460.000 đồng.

Công ty vẫn chưa xem xét và xác định chính thức giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư vào ngày 30 tháng 6 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư cao hơn so với giá trị ghi sổ còn lại của các tài sản này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Mua sắm, lắp đặt tàu kéo	26.455.485.943	-
Mua sắm, lắp đặt sà lan	23.552.073.035	-
Khác	49.492.500	49.492.500
TỔNG CỘNG	50.057.051.478	49.492.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	14.297.651.466	4.514.695.464
Phải trả người bán khác	<u>5.783.791.807</u>	<u>5.078.317.034</u>
TỔNG CỘNG	<u>20.081.443.273</u>	<u>9.593.012.498</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải thu				
Thuế GTGT	312.904.784	21.532.079.751	(21.583.692.195)	261.292.340
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.598.402	-	(111.598.402)	-
Thuế thu nhập cá nhân	182.456.036	338.133.919	(515.207.717)	5.382.238
Thuế khác	<u>3.663.611</u>	<u>63.338.930</u>	<u>(67.002.541)</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>610.622.833</u>	<u>21.933.552.600</u>	<u>(22.277.500.855)</u>	<u>266.674.578</u>
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>-</u>	<u>393.791.062</u>	<u>(113.437.821)</u>	<u>280.353.241</u>
TỔNG CỘNG	<u>-</u>	<u>393.791.062</u>	<u>(113.437.821)</u>	<u>280.353.241</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí thuê xe	439.806.800	4.617.202.833
Chi phí thực hiện Dịch vụ Kỹ thuật hàng hải	-	1.392.828.707
Khác	<u>2.353.754.024</u>	<u>2.443.477.660</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.793.560.824</u>	<u>8.453.509.200</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ký quỹ của lái xe và khách thuê xe	3.425.913.748	3.653.987.707
Tài sản thừa chờ xử lý	208.840.458	208.840.458
Kinh phí công đoàn	56.350.328	56.350.328
Khác	<u>905.673.192</u>	<u>1.516.680.286</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.596.777.726</u>	<u>5.435.858.779</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	24.382.868.412	257.140.546.248
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	19.196.077.943	19.196.077.943
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.050.756.342)	(2.050.756.342)
Cổ tức công bố	-	-	-	(20.700.000.000)	(20.700.000.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>230.000.000.000</u>	<u>839.178.790</u>	<u>1.918.499.046</u>	<u>20.828.190.013</u>	<u>253.585.867.849</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	22.790.083.056	255.547.760.892
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.652.932.162	1.652.932.162
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.515.797.099)	(2.515.797.099)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>230.000.000.000</u>	<u>839.178.790</u>	<u>1.918.499.046</u>	<u>21.927.218.119</u>	<u>254.684.895.955</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Cổ phiếu thường	Giá trị	Cổ phiếu thường
Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí	52.037.720.000	5.203.772	52.037.720.000	5.203.772
Công ty cổ phần Quản lý quỹ IB	39.641.000.000	3.964.100	39.641.000.000	3.964.100
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	27.950.000.000	2.795.000	27.950.000.000	2.795.000
Công ty CP SCI	20.989.000.000	2.098.900	20.989.000.000	2.098.900
Khác	89.382.280.000	8.938.228	89.382.280.000	8.938.228
TỔNG CỘNG	230.000.000.000	23.000.000	230.000.000.000	23.000.000

17.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và góp vốn đầy đủ	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	23.000.000	23.000.000

17.4 Cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ	-	20.700.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Doanh thu từ kinh doanh hàng hóa	164.490.332.319	670.842.569.318
Doanh thu từ kinh doanh dịch vụ vận tải	45.092.612.100	108.714.449.288
Doanh thu từ hoạt động khác	1.182.652.676	5.818.578.462
TỔNG CỘNG	<u>210.765.597.095</u>	<u>785.375.597.068</u>

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi đầu tư trái phiếu	2.662.458.904	-
Lãi tiền gửi	2.090.729.344	2.552.779.651
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	47.786.065	-
TỔNG CỘNG	<u>4.800.974.313</u>	<u>2.552.779.651</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn hoạt động kinh doanh hàng hóa	164.410.282.314	667.930.414.043
Giá vốn hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải	41.673.680.510	95.746.931.279
Giá vốn hoạt động khác	2.213.859.738	4.803.170.319
TỔNG CỘNG	<u>208.297.822.562</u>	<u>768.480.515.641</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lương	1.626.300.242	5.917.891.985
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.473.754.484	3.766.121.560
Chi phí khấu hao	124.945.423	51.933.480
Chi phí nguyên vật liệu	-	377.703.651
Chi phí khác	108.807.058	42.180.621
TỔNG CỘNG	<u>5.333.807.207</u>	<u>10.155.831.297</u>

21. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập khác	724.484.721	14.812.632.384
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	724.484.721	14.751.540.799
Khác	-	61.091.585
Chi phí khác	<u>457.491.965</u>	<u>1.824.022</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>266.992.756</u>	<u>14.810.808.362</u>

22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên vật liệu	2.251.731.395	5.039.846.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.512.654.190	55.372.995.892
Chi phí nhân viên	10.455.549.548	34.529.631.059
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	5.803.558.480	12.234.962.770
Chi phí khác	404.912.045	3.595.904.660
TỔNG CỘNG	<u>48.428.405.658</u>	<u>110.773.341.084</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	465.347.794	2.990.268.426
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	40.041.670	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	42.556.737	1.837.251.061
TỔNG CỘNG	547.946.201	4.827.519.487

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.200.878.363	24.023.597.430
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	440.175.673	4.804.719.486
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	40.041.670	-
Chi phí không được trừ	67.728.858	22.800.001
Chi phí thuế TNDN	547.946.201	4.827.519.487

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục lợi nhuận tính thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả</i>	
	<i>giữa niên độ</i>		<i>hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30</i>	<i>Ngày 31</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
	<i>tháng 6</i>	<i>tháng 12</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>
	<i>năm 2017</i>	<i>năm 2016</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
			<i>năm 2017</i>	<i>năm 2016</i>
VND				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phân bổ	7.835.705	50.392.442	(42.556.737)	-
Chi phí phải trả	358.845.845	358.845.845	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	(406.613.261)
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	-	-	-	(1.430.637.800)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	366.681.550	409.238.287		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh			(42.556.737)	(1.837.251.061)

24. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

	<i>Mối</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	
			<i>sáu tháng kết thúc</i>	
			<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>quan hệ</i>	<i>nghiệp vụ</i>	<i>năm 2017</i>	<i>năm 2016</i>
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	Cổ đồng	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	801.000.000
Chi nhánh Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Tp.Hồ Chí Minh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển Mua dịch vụ	257.078.333 288.118.000	- -
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển Phí khác Mua dịch vụ	- 648.335.988 289.911.503	608.409.090 - 4.514.684.000
Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển Mua LPG Mua dịch vụ Mua vật tư	432.000.000 157.594.382.016 579.979.287 130.089.435	510.150.000 - - -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	248.200.000
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	680.314.779	680.314.779
Chi nhánh Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Tp.Hồ Chí Minh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.871.595.916	1.588.809.750
Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	79.200.000	79.200.000
TỔNG CỘNG			<u>2.631.110.695</u>	<u>2.596.524.529</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Cổ đông	Phải thu khác	-	13.000.000
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	Bên liên quan	Mua dịch vụ	3.129.550.246	4.033.930.564
Chi nhánh Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Tp.Hồ Chí Minh	Bên liên quan	Mua dịch vụ	797.694.700	480.764.900
Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Bên liên quan	Mua LPG	10.370.406.520	-
TỔNG CỘNG			<u>14.297.651.466</u>	<u>4.514.695.464</u>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.035.540.000	1.035.540.000
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	Cổ đông	Phải trả khác	900.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương và thưởng	<u>661.159.500</u>	<u>891.317.358</u>

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.652.932.162	19.196.077.943
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.282.517.413)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>1.652.932.162</u>	<u>16.913.560.530</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.000.000	23.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71,87	834,61
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71,87	735,37

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 5 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm gas; kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa bằng ô tô; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; cung cấp dịch vụ kỹ thuật khác.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau.

	VND			
	<i>Kinh doanh hàng hóa</i>	<i>Dịch vụ vận tải</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017				
Doanh thu	164.490.332.319	45.092.612.100	1.182.652.676	210.765.597.095
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	<i>164.490.332.319</i>	<i>45.092.612.100</i>	<i>1.182.652.676</i>	<i>210.765.597.095</i>
Kết quả				
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận</i>	<u>80.050.005</u>	<u>3.418.931.590</u>	<u>(1.031.207.062)</u>	<u>2.467.774.533</u>
<i>Chi phí không phân bổ</i>				(266.896.170)
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>				2.200.878.363
<i>Chi phí thuế TNDN</i>				<u>(547.946.201)</u>
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>				<u>1.652.932.162</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017				
Tài sản và công nợ				
<i>Tài sản bộ phận</i>	532.676.348	114.171.624.685	270.211.801	114.974.512.834
<i>Tài sản không phân bổ</i>				<u>175.456.216.091</u>
Tổng tài sản				<u>290.430.728.925</u>
<i>Công nợ bộ phận</i>	10.584.261.477	11.802.205.502	-	22.386.466.979
<i>Công nợ không phân bổ</i>				<u>13.359.365.991</u>
Tổng công nợ				<u>35.745.832.970</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau. (tiếp theo)

	VND			
	<i>Kinh doanh hàng hóa</i>	<i>Dịch vụ vận tải</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016				
Doanh thu	670.842.569.318	108.714.449.288	5.818.578.462	785.375.597.068
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	<i>670.842.569.318</i>	<i>108.714.449.288</i>	<i>5.818.578.462</i>	<i>785.375.597.068</i>
Kết quả				
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận</i>	<u>2.912.155.275</u>	<u>12.967.518.009</u>	<u>1.015.408.143</u>	<u>16.895.081.427</u>
<i>Thu nhập không phân bổ</i>				7.128.516.003
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>				24.023.597.430
<i>Chi phí thuế TNDN</i>				<u>(4.827.519.487)</u>
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>				<u>19.196.077.943</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016				
Tài sản và công nợ				
<i>Tài sản bộ phận</i>	48.941.140.504	180.029.509.877	60.183.323	229.030.833.704
<i>Tài sản không phân bổ</i>				<u>123.356.767.822</u>
Tổng tài sản				<u>352.387.601.526</u>
<i>Công nợ bộ phận</i>	26.109.316.899	34.420.817.917	-	60.530.134.816
<i>Công nợ không phân bổ</i>				<u>38.271.598.861</u>
Tổng công nợ				<u>98.801.733.677</u>

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên thuê

Công ty đang thuê văn phòng và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dưới 1 năm	16.380.593.745	24.963.672.262
Từ 1 đến 5 năm	<u>17.769.569.576</u>	<u>19.090.854.393</u>
TỔNG CỘNG	<u>34.150.163.321</u>	<u>44.054.526.655</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dưới 1 năm	29.796.000.000	48.516.000.000
Từ 1 đến 5 năm	23.712.000.000	34.008.000.000
TỔNG CỘNG	53.508.000.000	82.524.000.000

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.



Hoàng Lê Hương
Người lập



Lương Minh Dương
Kế toán trưởng



Dương Vũ Phong
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017